

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 03/3/ 2021
Về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung
và giải quyết nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Xa Kỳ Tiến
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Trọng Huệ và bà Phạm Thị Dân
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Trọng Kiên - *Kiểm sát viên.*

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và giải quyết nợ chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2021, và số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm N, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm N, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Quế, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng CSXH tỉnh Hòa Bình - Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc, do ông Nguyễn Đình Hoàng, Phó giám đốc là đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì: Anh Đinh Văn Th và chị Bùi Thị D kết hôn với nhau năm 1999, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, từ năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D đi làm cho một công ty ở Bắc Giang đã quen biết

và có quan hệ với người khác, chị D còn thường đăng ảnh tình tứ trên facebook. Anh Th và chị D có lời qua tiếng lại với nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên anh Th làm đơn yêu cầu được ly hôn chị Bùi Thị D.

Về con cái: Vợ chồng anh Th, chị D có hai con chung là Đinh Thị Mai Q, sinh ngày 06/4/2004 và Đinh Tuấn Đ, sinh ngày 03/4/2009. Nguyên vọng của anh Th là được trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung, anh Th chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Th chưa yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Có vay nợ Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc 20.000.000đ. Anh Th là người có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng cả gốc và lãi phát sinh.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của luật tố tụng dân sự Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án và không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh Đinh Văn Th trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị D và được trực tiếp nuôi hai con chung, anh Th chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, anh Th có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Ngân hàng CSXH: Tại bản tự khai ngày 01/12/2020, đại diện Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc xác nhận nợ và đồng ý để anh Th trả nợ trên số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Trong phần tranh luận, nguyên đơn ủy quyền cho Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quan điểm của mình.

- Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật tố tụng. Anh Th khởi kiện, yêu cầu giải quyết việc ly hôn đối với chị D là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 68, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Th, giao các con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật. Về nợ: ghi nhận sự thỏa thuận của anh Th với Ngân hàng về việc để anh Th trả nợ gốc và lãi pháp sinh cho ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng về tổng đạt các giấy tờ, tài liệu, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và niêm yết công khai. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng về xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ nên đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Xét đơn yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn Th là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung của anh Th, giao hai con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ đối với con cái thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung: Do anh Th chưa yêu cầu nên không đề cập xem xét. Về nợ chung: Ghi nhận việc anh Th nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội cả nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn, bị đơn có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án, do đó không có lời khai và Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật TTDS nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn Th và chị Bùi Thị D tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chân, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình từ năm 1999. Do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, do điều kiện kinh tế gia đình, anh Th đồng ý để chị D đi làm ăn ở Bắc Giang, từ đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D thường đăng một số hình ảnh nhạy cảm trên facebook dẫn đến vợ chồng có lời qua tiếng lại, anh Th đã nỗ lực níu kéo để vợ chồng quay về đoàn tụ và nhiều lần gọi điện thoại bảo chị D về để vợ chồng giải quyết việc gia đình nhưng chị D không hợp tác và bảo anh Th tự quyết định. Qua xác minh thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa

anh Th và chị D như anh Th đã trình bày là có căn cứ. Việc anh Th khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn chị D đều biết nhưng không hợp tác. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D không có trách nhiệm gì đối với chồng, con, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị D là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị Mai Q, sinh ngày 06/4/2004 và Đinh Tuấn Đ, sinh ngày 03/4/2009. Nguyên vọng của anh Th là được trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung, anh Th chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Do chị D không có mặt tại Tòa án nên không có lời khai, không thể hiện được ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời xét yêu cầu của anh Th và nguyên vọng của các cháu Đinh Thị Mai Q và Đinh Tuấn Đ là được sống chung với bố, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Th là phù hợp và có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Th chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Anh Th là người có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

[6] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn Th đối với chị Bùi Thị D. Xử cho anh Đinh Văn Th được ly hôn chị Bùi Thị D.

Về con cái: Giao hai con chung là Đinh Thị Mai Q, sinh ngày 06/4/2004 và Đinh Tuấn Đ, sinh ngày 03/4/2009 cho anh Đinh Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật. Anh Th chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Bùi Thị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này. Khi có thay đổi, chị D và anh Th có quyền yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về công nợ chung: Anh Đinh Văn Th có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đà Bắc số tiền nợ gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành việc trả nợ theo hợp đồng.

Về án phí: Anh Đinh Văn Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003368 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình. Anh Th đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA